

UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN  
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

**BÁO CÁO TÓM TẮT**  
**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**  
CỦA DỰ ÁN  
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG VIÊN TẠI XÃ THỦY TRIỀU  
HUYỆN THỦY NGUYÊN

Hải Phòng, năm 2023

UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN  
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

**BÁO CÁO TÓM TẮT**  
**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**  
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
CÔNG VIÊN TẠI XÃ THỦY TRIỀU, HUYỆN THỦY NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ



GIÁM ĐỐC  
*Phạm Văn Hòa*

ĐƠN VỊ TƯ VẤN



GIÁM ĐỐC  
*Đào Thị Chao*

Hải Phòng, năm 2023

**TÓM TẮT BÁO CÁO ĐTM CỦA DỰ ÁN**  
**“Đầu tư xây dựng công viên tại xã Thủy Triều”.**

**1. Thông tin về dự án**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: “Đầu tư xây dựng công viên tại xã Thủy Triều”.
- Tên chủ dự án: Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên.
- Đại diện chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thủy Nguyên
- + Địa chỉ liên hệ: thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.
- + Người đại diện: Ông Phạm Văn Hào; Chức vụ: Giám đốc
- + Điện thoại: 0225.3874148
- Tiến độ thực hiện Dự án: năm 2023 đến 2025.
- Nguồn vốn đầu tư: 28.050.000.000 đồng

**1.2. Vị trí địa lý của dự án**

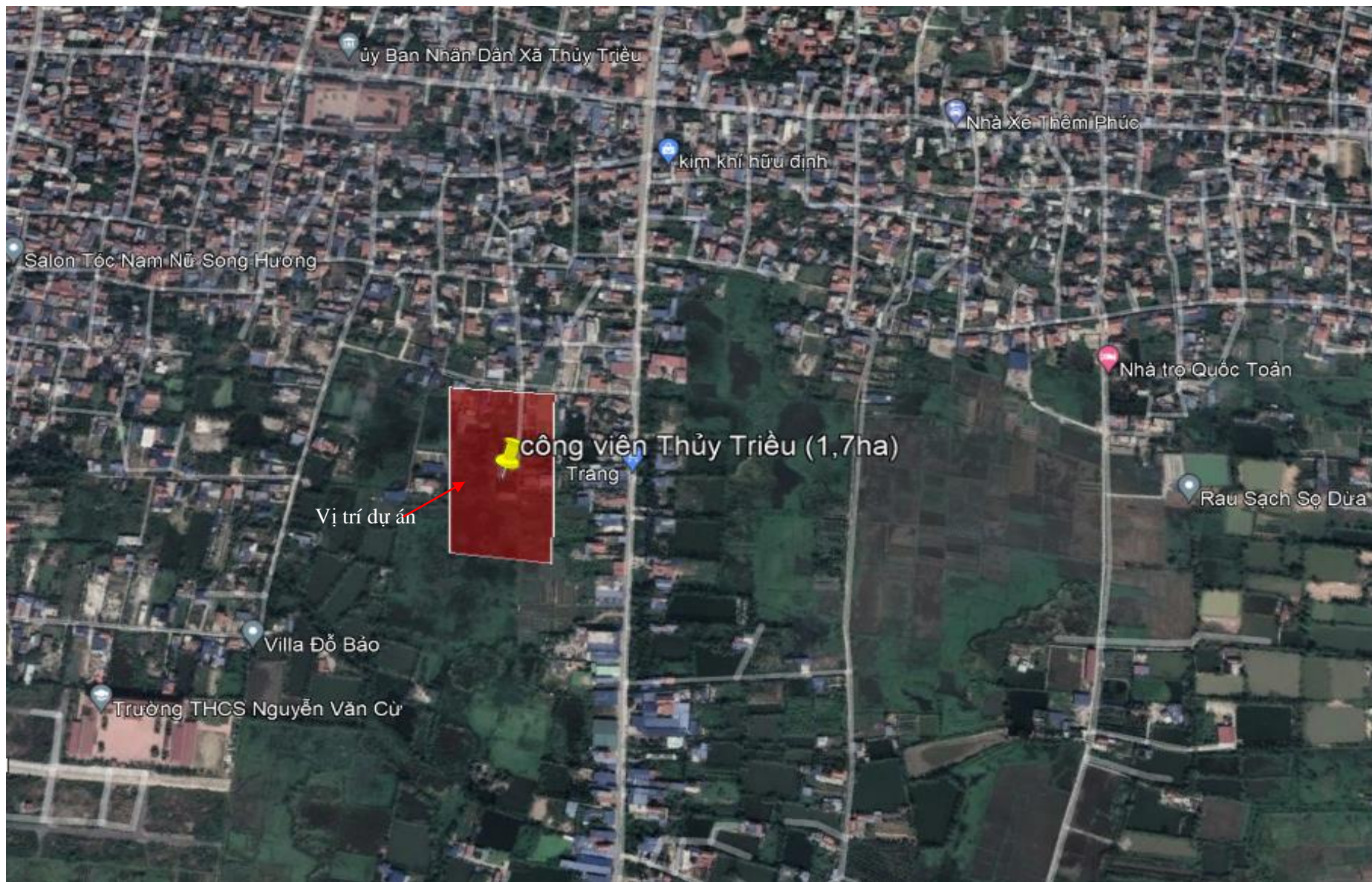
Dự án được triển khai tại khu đất thuộc địa bàn xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có các mặt tiếp giáp:

- + Phía Bắc: giáp khu dân cư;
- + Phía Nam: giáp ruộng;
- + Phía Tây: giáp ruộng và khu dân cư;
- + Phía Đông: giáp ruộng và khu dân cư.

**Bảng thống kê tọa độ và khoảng cách khu đất dự án**

Stt	Toa do X (m)	Toa do Y (m)
1	2315528.629	600063.225
2	2315423.533	600124.719
3	2315415.835	600129.546
4	2315381.095	600026.177
5	2315412.657	600011.827
6	2315426.359	600005.758
7	2315450.106	599993.089
8	2315474.599	599981.224
9	2315512.003	599958.957
10	2315542.591	599950.655
11	2315544.130	599964.058
12	2315547.925	599980.293
13	2315551.664	599992.936
14	2315553.518	599998.544
15	2315556.688	600009.017
16	2315559.557	600016.803
17	2315563.228	600026.324
18	2315569.624	600040.450
19	2315571.179	600044.176
20	2315571.245	600044.364
21	2315527.785	600061.127
1		

Vị trí khu vực thực hiện Dự án thể hiện trên hình sau:



*Hình 1. Vị trí Dự án*

### 1.2.3. Mục tiêu; loại hình, quy mô và quy trình hoạt động của dự án

#### 1.2.3.1. Mục tiêu

+ Xây dựng công viên cây xanh, là nơi diễn ra các sinh hoạt cộng đồng, vui chơi giải trí, tập luyện của người dân để đáp ứng cho nhu cầu giao tiếp xã hội, tập thể dục thể thao và nghỉ ngơi thư giãn nhằm tái tạo sức lao động của cư dân đô thị.

+ Góp phần tạo dựng không gian kiến trúc cảnh quan đặc trưng của đô thị cũng như cải thiện môi trường sống.

#### 1.2.3.2. Loại hình, quy mô và quy trình hoạt động của dự án

a) **Loại hình dự án:** công trình dân dụng, nhóm C theo Luật đầu tư công

b) **Diện tích và quy mô dự án:**

- Quy mô diện tích quy hoạch khoảng **18.097,11m<sup>2</sup>**.

- Diện tích đất thực hiện dự án: **17.728,39m<sup>2</sup>**

*Bảng 1. Tổng hợp quy mô sử dụng đất của Dự án*

STT	KÍ HIỆU	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )	TỶ LỆ (%)
<b>A. ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN CÔNG VIÊN</b>			<b>17728,39</b>	<b>100,00</b>
<b>I</b>	<b>CX0</b>	<b>Đất cây xanh công viên</b>	<b>11743,08</b>	<b>66,24</b>
	CX1	Đất cây xanh cảnh quan	999,8	
	CX2	Đất cây xanh cảnh quan	1122,6	
	CX3	Đất cây xanh cảnh quan	154,54	
	CX4	Đất cây xanh cảnh quan	399,38	
	CX5	Đất cây xanh cảnh quan	561,14	
	CX6	Đất cây xanh cảnh quan	382,8	
	CX7	Đất cây xanh cảnh quan	606,5	
	CX8	Đất cây xanh cảnh quan	403,98	
	CX9	Đất cây xanh cảnh quan	628,92	
	CX10	Đất cây xanh cảnh quan	817,96	
	CX11	Đất cây xanh cảnh quan	498,23	
	CX12	Đất cây xanh cảnh quan	1063,28	
	CX13	Đất cây xanh cảnh quan	4103,93	
<b>II</b>	<b>PT0</b>	<b>Đất công trình phụ trợ</b>	<b>564,5</b>	<b>3,18</b>
	PT1	Đất xây dựng công trình	108	

	PT2	Đất xây dựng công trình	144	
	PT3	Đất xây dựng công trình	252,5	
	PT4	Đất xây dựng công trình	60	
<b>III</b>		<b>Đất sân đường nội bộ</b>	<b>5420,81</b>	<b>30,58</b>

**c) Quy trình hoạt động của dự án**

- Giai đoạn thi công xây dựng: san lấp mặt bằng, thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật như đường giao thông, hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, hệ thống chiếu sáng

- Giai đoạn hoạt động: quản lý CTR, giao thông đi lại, giải trí, chăm sóc cây xanh, cảnh quan.

**1.2.4. Nguyên nhiên vật liệu**

**a) Nhu cầu sử dụng nước**

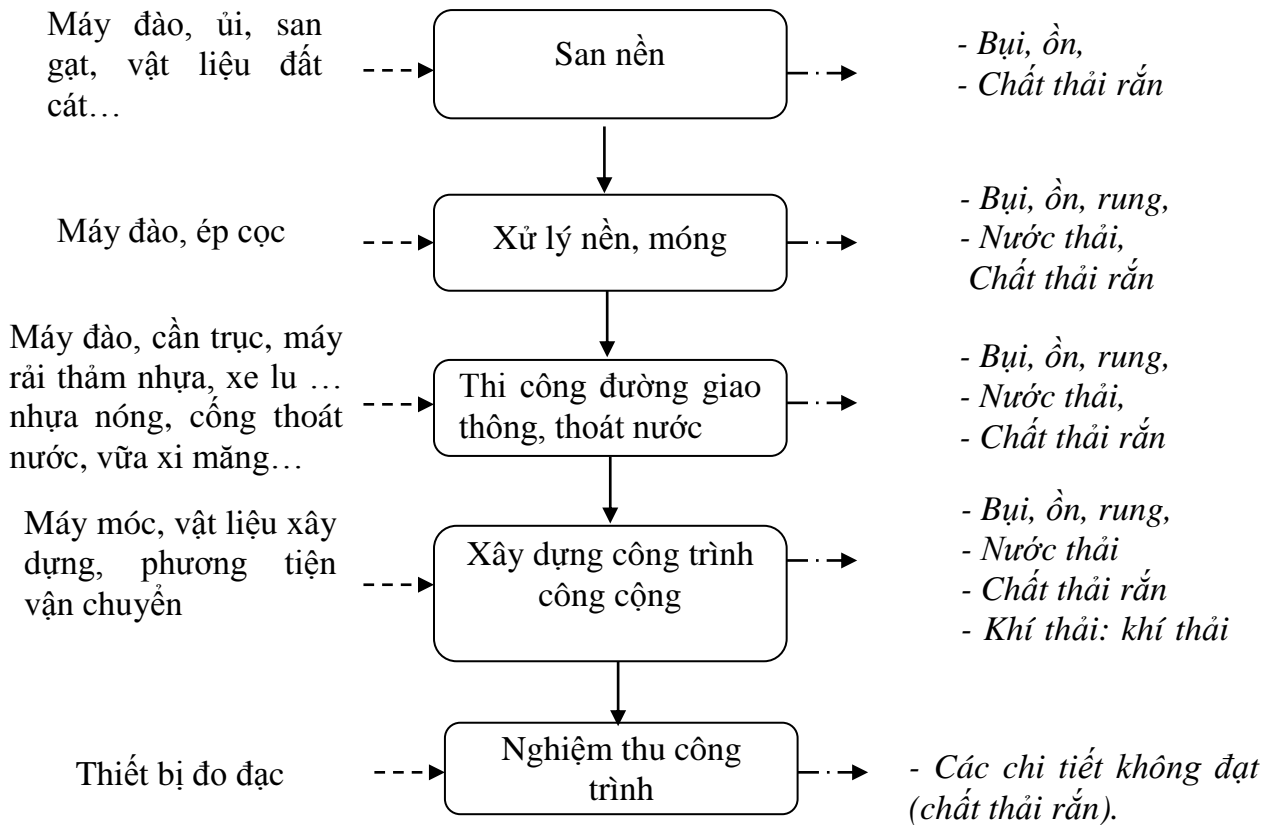
Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của Dự án:

*Bảng 2. Nhu cầu sử dụng nước giai đoạn vận hành*

Stt	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tiêu chuẩn (l/m <sup>2</sup> /ngày đêm)	Nhu cầu (m <sup>3</sup> /ngày đêm)
1	Đất cây xanh cảnh quan	11743,081	3	35,23
2	Đất giao thông	5420,812	0.5	2,71
3	Đất công trình phụ trợ	564,500	3	1.69
	<b>Tổng</b>			<b>39,63</b>
	Dự phòng, rò rỉ, thất thoát		12%	4,76
	<b>Nhu cầu dùng nước trung bình</b>			<b>44,39</b>
	<b>Nhu cầu dùng nước lớn nhất</b>		<b>1.2</b>	<b>53,27</b>

*Nguồn: Thuyết minh quy hoạch 1/500 của dự án*

**4. Biện pháp thi công**



Hình 2. Quy trình thi công xây dựng

## 2. Đánh giá tác động và đề xuất biện pháp giảm thiểu

### 2.1. Đánh giá tác động

- Giai đoạn xây dựng:

Tác động	Giai đoạn	
	Giai đoạn triển khai xây dựng	Giai đoạn vận hành
Nguồn tác động liên quan đến chất thải	1. Đối với môi trường không khí:	
	- Tác động của hoạt động đào đắp, thi công nền móng. - Tác động của hoạt động vận chuyển vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị. - Tác động của hoạt động hàn	- Tác động do mùi hôi từ các khu vực tập kết CTR
	2. Đối với môi trường nước:	
	- Tác động do nước thải sinh hoạt. - Tác động do nước thải xây dựng. - Nước mưa chảy tràn.	- Tác động nước mưa chảy tràn.
3. Đối với chất thải rắn:		
- Tác động do CTR sinh hoạt; - Tác động do CTR xây dựng; - Tác động do chất thải nguy hại	- Tác động do CTR sinh hoạt. - Tác động do CTR thông thường khác	



Tác động	Giai đoạn	
	<i>Giai đoạn triển khai xây dựng</i>	<i>Giai đoạn vận hành</i>
Nguồn tác động không liên quan đến chất thải	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tác động của việc chiếm dụng đất, giải phóng mặt bằng.</li> <li>- Tác động do tiếng ồn, độ rung.</li> <li>- Tác động đến kinh tế xã hội</li> <li>- Tác động đến các công trình xung quanh khu vực dự án</li> <li>- Tác động hoạt động giao thông</li> </ul>	
Tác động các rủi ro, sự cố	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự cố ngập úng.</li> <li>- Sự cố lún công trình.</li> <li>- Sự cố cháy nổ.</li> <li>- Sự cố về điện, sét đánh.</li> <li>- Sự cố tai nạn lao động.</li> <li>- Sự cố tai nạn giao thông.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự cố sụt lún công trình, ngập úng.</li> <li>- Sự cố công trình cơ sở hạ tầng</li> </ul>

Các tác động của Dự án:

STT	Nguồn gây tác động	Tác động phát sinh	Yếu tố môi trường bị ảnh hưởng	Phạm vi chịu ảnh hưởng
1	Hoạt động của người dân	- Chất thải rắn sinh hoạt	- Môi trường đất, nước, không khí	Trên mặt bằng dự án

## 2.2. Biện pháp giảm thiểu

### 2.4.1. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải

#### a) Thu gom và xử lý nước thải trong giai đoạn xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: tại khu vực thi công bố trí 02 nhà vệ sinh di động dạng module nguyên khối bằng vật liệu composite, dung tích bể chứa nước thải: 2m<sup>3</sup>/nhà vệ sinh. Toàn bộ nước thải sinh hoạt sẽ được nhà thầu thi công thuê đơn vị có chức năng hút, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Nước thải xây dựng: Chủ thầu sẽ bố trí khu vực rửa xe, vệ sinh máy móc, thiết bị thi công riêng biệt để thuận tiện cho việc thu gom xử lý nước thải xây dựng.

- Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng công trường: Thi công hệ thống rãnh thoát nước mưa trong giai đoạn thi công theo quy hoạch đường cống thoát nước mưa chung của dự án trong giai đoạn vận hành, cuối đường rãnh thoát nước mưa sẽ bố trí hố thu lắng cặn, đất cát trước khi thoát nước mưa ra ngoài công trường.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận thu gom, xử lý; nước thải thi công xây dựng đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B), tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ môi

trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

***b) Thu gom và xử lý nước thải trong giai đoạn hoạt động***

- *Nước mưa chảy tràn*

Hệ thống thoát nước mưa của dự án được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước thải;

Nạo vét định kỳ mương thoát nước trong khu vực dự án, khơi thông cống rãnh

***2.4.2. Hệ thống thu gom và xử lý bụi, khí thải***

***a) Thu gom và xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn xây dựng***

- Dựng tường tạm che chắn bằng tôn có chiều cao tối thiểu là 2 - 3m để bao che kín khu vực phá dỡ và xây dựng dự án, đồng thời có bố trí cống ra vào, bảo vệ công trường thi công.

- Tập kết vật liệu đúng nơi quy định, trong những ngày hanh khô, có gió áp dụng biện pháp phun nước, làm ẩm, giảm thiểu bụi do quá trình bốc dỡ cát, đá phát sinh.

- Sử dụng phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công còn hạn kiểm định.

- Không chở vật liệu vượt quá trọng tải của phương tiện.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng máy móc thiết bị, thay thế hoặc bảo dưỡng thiết bị theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải bởi Dự án; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường, QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.

***2.4.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường***

***a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường trong giai đoạn xây dựng***

- Chất thải nguy hại phát sinh được phân loại và lưu chứa bằng 03 thùng chứa, dung tích 200L, có nắp đậy, dán nhãn, lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại tạm thời. Sau đó ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường,

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

***b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường trong giai đoạn hoạt động***

Khu vực công cộng: Bố trí các thùng rác loại 40 lít có nắp đậy, với khoảng cách 100m/thùng.

Toàn bộ rác sinh hoạt sẽ được thu gom và tiến hành phân loại tại nguồn; rác thải thu gom theo từng khu vực và chứa trong các thùng chứa chuyên dụng dung tích 60 – 660 lít. Hàng ngày, rác sinh hoạt được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Bố trí 01 điểm trung chuyển chất thải rắn diện tích khoảng 50m<sup>2</sup> Rác thải tại đi m tập trung sẽ được đơn vị có chức năng vận chuyển về khu xử lý chất thải rắn theo quy định Thành phố.

### **3.2. Giám sát môi trường**

Trong quá trình hoạt động dự án chỉ phát sinh CTR sinh hoạt. Dự án không thuộc danh mục phải quan trắc định kỳ quy định tại Phụ lục XXVIII Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Do đó căn cứ theo Khoản 2 Điều 97 và Phụ lục XXVIII, Nghị định 08/2022/NĐ-CP dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục và không phải quan trắc nước thải định kỳ.

Sau khi kết thúc giai đoạn cải tạo và xây dựng các công trình thuộc dự án, chủ dự án sẽ bàn giao lại các công trình cho UBND xã Thủy Triều để quản lý và vận hành. Do đó, chương trình quan trắc giai đoạn vận hành, sẽ do UBND xã Thủy Triều thực hiện theo đúng quy định.

#### ***5.5.3. Giai đoạn vận hành chính thức***

Trong giai đoạn vận hành chính thức, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ, quan trắc tự động liên tục theo quy định.